

Bản án số: 475/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Huỳnh Hoàng Nam
 2. Ông Hà Bửu Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 191/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Nữ T, sinh năm 1978.

HKTT: Ấp Đ, xã L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, tỉnh An Giang

(Chị T; anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Nữ T trình bày:***

Do quen biết chị và anh L tiến tới hôn nhân năm 1998, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thường xuyên cãi vã cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh L thay đổi tính tình, sinh tật ăn chơi, sống thiếu trách nhiệm với vợ, con. Chị và anh L đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay nhận thấy tình

cảm không thể hàn gắn được nữa nên chị quyết định xin ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 01/01/2000 đã trưởng thành có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24 tháng 11 năm 2025 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh L có ý kiến trình bày:**

Anh và chị T có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn do lúc đó bận đi làm không nghĩ tới nên để đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 01/01/2000 đã trưởng thành có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung trước khi đi Hàn Quốc, chị T và con gái có ủy quyền cho anh nhận tiền trong sổ bảo hiểm, anh xác định đã trả sổ bảo hiểm của chị T và con gái lại cho chị T và đã nhận hỗ trợ số tiền từ chị T 20.000.000 đồng, anh xác định tài sản đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý vì chị T đã đi Hàn Quốc 02 năm nay nên tình cảm vợ chồng cũng không còn. Về con chung đã trưởng thành có gia đình riêng tư nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T, anh L: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; pháp luật về hộ tịch nên hôn nhân giữa chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Nữ T yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L và anh Nguyễn Thanh L cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 01/01/2000. Hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa

án giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Trần Nữ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003286 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Nữ T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” giữa chị và anh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về sự có mặt của đương sự: Chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của chị T, anh L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T, anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L thống nhất trình bày do quen biết anh, chị tiến tới hôn nhân năm 1998. Anh - chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo chị T sau khi cưới thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thường xuyên cãi vã cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh L thay đổi tính tình, sinh tật ăn chơi, sống thiếu trách nhiệm với vợ, con. Chị và anh L đã ly thân hơn 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không còn khả năng chịu đựng tính vô trách nhiệm của anh L nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

Phía anh L thì cho rằng mâu thuẫn từ việc tiền bạc và chị T đã đi Hàn Quốc 02 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị T và anh L trình bày mâu thuẫn dẫn đến anh chị ly hôn không thống nhất nhưng nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh L cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị T và anh L không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L xác định có 01 con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 01/01/2000. Hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Nữ T và anh Nguyễn Thanh L xác định có 01 con chung là Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 01/01/2000. Hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Nữ T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003286 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên được cản trừ xem như chị T đã thi hành xong phần án phí. Chị T đã nộp xong.

5. Chị Trần Nữ T, anh Nguyễn Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, cùng cấp;
- Phòng thi hành án;
- Dương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên